TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 10 - 2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M,** sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P H, xã T P, huyện B Đ, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Lê Thành N**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P H, xã T P, huyện B Đ, tỉnh T.

Ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 27 tháng 9 năm 2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và ông Lê Thành N chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Lê Thành N là vợ chồng..

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thành T, sinh ngày 27/8/1991. Hiện con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 27/9/2019, biên bản hòa giải ngày 27/9/2019 bị đơn ông Lê Thành N trình bày như sau:*

Ông và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì cũng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Nay ông vẫn còn thương vợ nếu bà M vẫn cương quyết ly hôn và do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên ông thống nhất yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thành T, sinh ngày 27/8/1991. Hiện con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/9/2019 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 15/7/2019, của bà Nguyễn Thị M gởi Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước và ngày 30/7/2019 gởi Uỷ ban nhân dân thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được xác nhận là ông N, bà M không có đăng ký kết hôn tại xã Thạnh Phước và thị trấn Bình Đại, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cả ông N, bà M điều khai thống nhất cho đến thời điểm hiện tại vẫn không có đăng ký kết hôn.

Ông N và bà M có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa ông N và bà M là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thành N là vợ chồng.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống bà M, ông N có 01 con chung tên Lê Thành T, sinh ngày 27/8/1991. Hiện con chung đã thành niên và đều có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lê Thành N là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thành T, sinh ngày 27/8/1991. Hiện con đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005932 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Thành N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thạnh Phước;
- UBND thị trấn Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

…… - …… **Nguyễn Thị Lựu**